

Bản án số: 27/2022/DS-PT  
Ngày: 29/12/2022  
V/v: “yêu cầu chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Đoàn  
*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Túc  
Bà Trần Thanh Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoài Thương - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình:* Ông Phạm Văn Minh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLPT – DS ngày 13/10/2022 về việc “yêu cầu chia di sản thừa kế”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐ – PT ngày 02/11/2022 giữa các đương sự:

**1. Đồng nguyên đơn**

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962  
Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960.  
Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1964  
Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1967  
Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970  
Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972  
Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978  
Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974

Địa chỉ: xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

**3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Luật sư Nguyễn Bích Nga

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Bích Nga – Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

**4. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn C .

Địa chỉ: xã M , thành phố H , tỉnh Hòa Bình . Vắng mặt.

-Bà Trịnh Thị N

Địa chỉ: xã M , thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Anh Nguyễn Xuân Q

Địa chỉ: xã M , thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Anh Nguyễn Xuân V

Địa chỉ: xã M , thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh K , Hòa Bình.

Địa chỉ: Phường K , thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân thành phố H , tỉnh Hòa Bình.

Địa chỉ: Phường T, thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**5. Người kháng cáo:** bị đơn Nguyễn Văn B .

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Văn M trình bày:*

Bố, mẹ đẻ của ông M là cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị C có 09 người con chung gồm: Nguyễn Văn D , Nguyễn Văn M , Nguyễn Thị B1 , Nguyễn Thị B2, Nguyễn Thị H1 , Nguyễn Văn B , Nguyễn Thị H2 , Nguyễn Thị T , Nguyễn Văn C . Cụ Th chết năm 1996, cụ C chết năm 2008, khi chết ông bà đều không để lại di chúc. Di sản cụ Th cụ Chưng để lại là 01 thửa đất số 66 tờ bản đồ 09 diện tích 2.508 m<sup>2</sup> (thực tế diện tích là 2725,7m<sup>2</sup> ) tại xóm G , xã M , huyện K (nay là thành phố H ) đứng tên cụ T, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây từ năm 1989. Hai con gái của ông bà sau khi ly hôn chồng đã về xây nhà cấp 4 trên cùng thửa đất này gồm bà H2 (xây nhà năm 1995), bà T (xây nhà năm 2007).

Năm 1995, Cụ Th viết giấy uỷ quyền cho con trai Nguyễn Văn M mượn bìa đất để thế chấp, vay Ngân hàng A chi nhánh K số tiền 5.000.000 đồng để trồng mía. Tháng 7/2012, khi chưa thanh toán hết tiền nợ gốc và lãi, ông M nhận được thông báo của Ngân hàng về việc ông Nguyễn Văn B đã trả cho ngân hàng 4.838.000đ và lấy bìa đất ra khỏi Ngân hàng. Ông M không nhất trí việc làm của Ngân hàng nên đã làm đơn yêu cầu Ngân hàng trả lại bìa đất để ông M hoàn lại cho Cụ Th nhưng đến nay chưa được giải quyết.

Năm 2000, ông M nghe ông B nói đã sang tên được bìa đất từ Cụ Th sang tên ông B . Từ đó, ông B đã đuổi các anh chị em ra khỏi thửa đất này và không chia cho ai. Tại thời điểm cụ C còn sống, thấy các con có tranh chấp cụ C đã mời trưởng xóm là ông Thục đến giải quyết, gia đình đã lập biên bản về việc thống nhất chia thửa đất ra làm năm phần cho ông B , bà H2, bà T , ông C , ông

M.

Ngày 25/10/2021, ông D , bà B1 , bà B2 , bà H1 , bà T , bà H2 ủy quyền cho ông M có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc Ngân hàng A chi nhánh K và ông B phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cụ Th cùng các anh chị em trong gia đình và đề nghị chia di sản thừa kế là thửa đất số 66 tờ bản đồ 09 diện tích 2.508 m<sup>2</sup> tại xóm G , xã M , huyện K (nay là thành phố H).

Quá trình giải quyết vụ án, ông M sửa đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị C là thửa đất số 66, tờ bản đồ 09 tại xóm G , xã D (nay là xã M ), thành phố H cho các con của hai cụ.

**Các đồng nguyên đơn Nguyễn Văn D , Nguyễn Thị B1 , Nguyễn Thị B2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 thống nhất trình bày:** thửa đất số 66 do Cụ Th và cụ C khai phá, làm nhà và sống cùng các con từ năm 1958. Thửa đất đứng tên cụ Th, ông B đã lợi dụng việc đi trả tiền Ngân hàng để rút sổ đỏ, làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B để chiếm đoạt di sản của bố mẹ để lại.

Quá trình giải quyết vụ án: ông Nguyễn Văn D , bà Nguyễn Thị B2, bà Nguyễn Thị H1 có văn bản nhường thừa kế cho ông Nguyễn Văn M ; bà Nguyễn Thị B1 nhường thừa kế cho ông Nguyễn Văn C .

Ngày 25/4/2012, ông D, bà B2 , bà B1 , bà H1 , bà H2 , bà T , ông C có đơn đề nghị: thửa đất số 66 có diện tích 2.508m<sup>2</sup>, gồm 400 m<sup>2</sup> đất thổ cư và 2108 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sẽ chia 05 phần (mỗi phần gồm đất thổ cư và đất vườn) .Ông B , ông C , ông M được nhiều hơn; bà T , bà H2 nhất trí nhận diện tích đang sử dụng; đề nghị Tòa án xem xét đến công sức của ông Nguyễn Văn M vì từ Cụ Th và cụ C còn sống ông M đã xây nhà cho bố mẹ ở, sau đó gia đình ông Nguyễn Văn B tiếp tục sử dụng cho đến nay. Không yêu cầu chia tài sản đang có trên đất để đảm bảo cho các gia đình hiện nay đã xây dựng nhà ở trên thửa đất tiếp tục được sử dụng nguyên vẹn tài sản.

**Bị đơn Nguyễn Văn B trình bày:**

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị C có 09 người con, ông là con thứ 07, ở cùng nhà với bố mẹ từ lúc nhỏ. Tháng 3/1996, ông B kết hôn với bà Trịnh Thị N và tiếp tục sống cùng bố mẹ. Cùng năm 1996, Cụ Th chết, sau đó khoảng 03 tháng thì cụ C đến ở và trông con cho gia đình ông M. Ông M mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cụ Th để vay tiền Ngân hàng, nhưng vì quá hạn, ông M không trả được nên Ngân hàng đến đòi lấy nhà ông B 03 lần . Giám đốc Ngân hàng nói với ông B trả tiền để lấy bìa đất về nên ngày 06/7/2012 ông B đã nộp cho Ngân hàng số tiền 4.838.000đ và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên cụ Th về. Khoản tiền này ông B không yêu cầu ông M phải trả lại. Cụ Th cụ C chết không để lại di chúc, nhưng thời điểm đó các con của hai cụ đều đã lập gia đình, chỉ còn ông B và ông C đang sống chung với bố mẹ. Khoảng năm 1994, cụ Th cùng với ông B có ra Ủy ban nhân dân xã Dân Hòa gặp cán bộ địa chính là Nguyễn Thị L và nói là sẽ giao quyền sử dụng đất cho ông B (việc này có ông D biết). Sau khi bố mẹ mất đi còn nợ

một số chủ nợ tiền thức ăn, ông B đã phải trả nợ tiền cho các chủ nợ (nhưng không có giấy tờ chứng minh). Di sản của bố mẹ ông để lại chỉ có thửa đất số 66 đã sang tên cho ông, ông B không đồng ý chia thừa kế, không đề nghị chia hiện vật hay tiền nong gì. Các bà Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị T sau khi ly hôn đã về xây nhà trên thửa đất này, ông B đã ngăn cản nhưng không được. Nếu tòa án xử cho ông được sử dụng toàn bộ thửa đất số 66, ông yêu cầu bà H2 và bà T phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất, trả lại đất cho gia đình ông; bản thân ông không yêu cầu bồi thường gì.

***Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- ***Bà Trịnh Thị N (vợ ông B)***: thống nhất với nội dung trình bày của ông Nguyễn Văn B.

- ***Anh Nguyễn Xuân Q (con ông B)***: anh không biết nguồn gốc thửa đất 66, chỉ biết đất đã được cấp GCNQSDĐ tên ông Nguyễn Văn B, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M. Trường hợp nếu Tòa chia thừa kế, anh đề nghị thì toàn bộ đất đai ruộng nương khi Cụ Th và cụ C còn sống đã chia cho các con nay phải thu lại để chia công bằng.

- ***Anh Nguyễn Xuân V (con trai ông B)***: anh V không có ý kiến trình bày gì. Bà Nhung và ông B không nhất trí cho anh V tham gia tố tụng lý do bận đi học. Ông B và bà N cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đến anh V.

- ***Ngân hàng A chi nhánh K***:

Ngày 20/9/1995, hộ ông Nguyễn Văn M có ký khế ước vay 5.000.000 đồng tại Ngân hàng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/4/1997. Ngân hàng có giữ một bìa đất mang tên cụ Nguyễn Văn Th (bố ông M). Khoản vay quá hạn từ ngày 27/4/1997 nhưng ông M không có khả năng thanh toán. Đến ngày 06/4/2012, ông Nguyễn Văn B (em trai ông M) đã đứng ra trả nợ thay và xin rút bìa đất mang tên cụ Th. Việc ngân hàng trả lại tài sản giữ hộ là bìa đất mang tên Cụ Th cho ông B là không đúng, nhưng ông B đã chứng minh được bìa đã sang tên ông B và chỉ đợi lấy bìa tại ngân hàng về để đổi bìa đã được cấp. Nếu việc nêu trong đơn khởi kiện là đúng thì bản thân cán bộ ngân hàng cũng đã bị ông B lừa dối. Nếu tòa án xác minh hành vi của ông B có dấu hiệu gian dối, thì yêu cầu ông B phải hoàn trả lại bìa đất cho Ngân hàng để Ngân hàng hoàn trả lại cho gia đình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B được cấp năm 2000, tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Th suốt từ năm 2000 cho đến năm 2012 đều do Ngân hàng đang giữ đảm bảo cho khoản vay của ông Mên. Trong suốt thời gian đó không có thủ tục tặng cho của cụ Th cho anh B.

- ***Ủy ban nhân dân thành phố H***: trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 66 mang tên ông Nguyễn Văn B đã được Hội đồng đăng ký xét cấp đất xã Dân Hòa, huyện K - nay là xã M - thành phố H lập đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai (có photo hồ sơ gửi kèm). Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 66; đồng thời Bản đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 30-2021 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ngày 28/3/ 2022 thể hiện kết quả: diện tích thửa

đất 66, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn B là 2508,0m<sup>2</sup> ; hiện trạng sử dụng là 2725,7m<sup>2</sup>

Ngày 28/4/2022, ông M, ông D, bà B1, bà B2, bà H2, bà T, ông C lập bản cam kết, yêu cầu được phân chia sử dụng theo đúng diện tích có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và vạch ranh giới của thửa 66 đã xác định theo kết quả trích đo; sẽ tự nguyện trả lại cho chủ sử dụng đất phần diện tích hiện trạng sử dụng vượt quá sang thửa liền kề là đất của anh Lại Văn C1. Anh C1 nhất trí với biên bản thẩm định của Tòa án, cam kết sử dụng đất đúng vị trí ranh giới thể hiện trong trích đo.

***Lời khai của những người làm chứng:***

- Bà Nguyễn Thị L – cán bộ địa chính xã D, huyện K tại thời điểm từ năm 1989 – 2000: việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 66 từ tên cụ Nguyễn Văn Th sang tên ông Nguyễn Văn B là do ông B đứng tên kê khai đăng ký năm 1996, theo kế hoạch đo đạc quy chủ năm 2000 của địa phương. Căn cứ đơn xin cấp đổi của ông B, địa phương có lập danh sách, lập Hội đồng xét cấp đất và cấp cho ông B theo đúng quy định. Do không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét duyệt không để ý đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên cụ Th đang thế chấp tại Ngân hàng. Quá trình làm việc, bà Lan chưa bao giờ nhận được giấy tờ gì của cụ Th, cũng chưa bao giờ nghe thấy Cụ Th hoặc gia đình Cụ Th đề cập đến việc cho hoặc chuyển nhượng, thừa kế cho ai.

- Ông Nguyễn Đức N – cán bộ thu nợ của Ngân hàng A chi nhánh K tại thời điểm năm 2012: vì món nợ năm 1995 của ông M là nợ quá hạn, theo chủ trương của ngành Ngân hàng, chúng tôi vận động gia đình trả nợ, anh em trong gia đình giúp ông M để thanh toán dư nợ quá hạn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên cụ Nguyễn Văn Th được Cụ Th ủy quyền cho ông M đưa vào ngân hàng để ngân hàng giữ làm tin chứ không có hợp đồng thế chấp. Ông B – em ruột ông M có mang tiền đến trả và nói rằng “anh Mến bạn không đến được cho tôi đem đến trả nợ thay, nếu trả đủ xong rồi thì cho tôi xin lại bìa đất”. Vì ông Mến, ông B là anh em trong nhà nên Ngân hàng chấp nhận khoản tiền ông B trả nợ thay ông Mến. Năm 2012, Ngân hàng đã giao lại GCNQSDĐ cho ông B là để ông B đưa lại cho gia đình.

- Ông Nguyễn Văn C2 - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng A K : năm 2012, ông Chiến ký trả bìa đất cho khoản vay của ông Mến. Tại thời điểm ông B kê khai tên của mình để sang tên GCNQSDĐ của cụ T, thì GCNQSDĐ này vẫn đang để tại Ngân hàng.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS – ST ngày 29/7/2022, Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:***

- Căn cứ điều 26, điều 35, điều 39, điều 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điều 631, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005 tương ứng các điều 609, 611, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 98, 99, 100, 106 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ điểm a khoản 7 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và các đồng nguyên đơn về việc kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

**1-** Xác nhận thửa đất số 66, tờ bản đồ 09 tại xóm G xã Dân Hòa, huyện K nay là xã M Thành phố H , tỉnh Hòa Bình do ông Nguyễn Văn B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị C để lại được chia cho ông Nguyễn Văn M (ông M được hưởng thêm suất của bà Nguyễn Thị B1 , bà Nguyễn Thị H1), ông Nguyễn Văn B (ông B được hưởng thêm suất của ông Nguyễn Văn D ), bà Nguyễn Thị H2 , bà Nguyễn Thị T , ông Nguyễn Văn C (ông C được hưởng thêm suất của bà Nguyễn Thị B2) .Theo văn bản đo đạc chính lý bản đồ địa chính số:06- 2022. Hệ tọa độ VN2000, xóm G , tờ bản đồ số 9 của Văn phòng đăng ký đất đai , Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình phát hành ngày 14/7/2022:

- Giao cho ông Nguyễn Văn B sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 582,1m<sup>2</sup> đất tại bản đồ là Thửa 605 ( có 80 m<sup>2</sup> đất ONT + 502,1 m<sup>2</sup> đất CLN) và giữ nguyên trạng căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây cối, công trình phụ trên thửa đất được chia.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H2 sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 260,4 m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thửa 604 ( có 80 m<sup>2</sup> đất ONT + 180,4 m<sup>2</sup> đất CLN) và giữ nguyên trạng căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây cối, công trình phụ trên thửa đất được chia.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 374,5 m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thửa 603 ( có 80 m<sup>2</sup> đất ONT + 294,5 m<sup>2</sup> đất CLN) và giữ nguyên trạng căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây cối, công trình phụ trên thửa đất được chia.

- Giao cho ông Nguyễn Văn C sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 478,8 m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thửa 601( có 80 m<sup>2</sup> đất ONT + 398,8 m<sup>2</sup> đất CLN)

- Giao cho ông Nguyễn Văn M sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 595,4 m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thửa 600( có 80 m<sup>2</sup> đất ONT + 515,4 m<sup>2</sup> đất CLN) và 216,5 m<sup>2</sup> đất vườn tại Thửa 606

- Để lại diện tích 38,2 m<sup>2</sup> tại thửa 601; diện tích 34,9 m<sup>2</sup> tại thửa 603 làm lối đi chung tại vị trí theo bản đồ đo đạc số 6- 2022.

**2-** Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Ngân hàng A – chi nhánh K Hòa Bình và ông Nguyễn Văn B phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn Th.

**3** - Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố H , tỉnh Hòa Bình thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2000 do Ủy ban nhân dân huyện K nay là Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho ông Nguyễn Văn B , vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00115 ...QSĐĐ/KS

**4** - Ông Nguyễn Văn M , ông Nguyễn Văn B , bà Nguyễn Thị H2 , bà Nguyễn Thị T , ông Nguyễn Văn C được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được chia thừa kế.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/8/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2022/DS – ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H .

***\*Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn Nguyễn Văn B giữ nguyên kháng cáo, đề nghị tòa xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Bích Nga bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nêu quan điểm: bản án sơ thẩm không khách quan, không công bằng. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ được nguồn gốc thửa đất số 66. Thửa đất số 66 có nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị C (bố mẹ ông B ) khai phá. Từ năm 1994, Cụ Th đã ra UBND xã Dân Hòa gặp cán bộ địa chính để nói về việc giao quyền sử dụng đất cho ông B . Năm 1995 – khi Cụ Th còn sống, ông B đã làm các thủ tục kê khai để sang tên GCNQSDĐ từ tên Cụ Th cho ông B , Cụ Th nhất trí. Việc này ông Nguyễn Văn D biết và đã có lời khai cung cấp cho Tòa án. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông B là đúng trình tự, thủ tục. Lời khai của bà Nguyễn Thị L – cán bộ địa chính xã D, huyện K tại thời điểm từ năm 1989 – 2000 còn bất nhất, mâu thuẫn khi khẳng định không nghe về việc Cụ Th sang tên GCNQSDĐ cho ông B nhưng lại đồng ý để cho ông B kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất là mâu thuẫn. Mặt khác, lời khai của các cán bộ Ngân hàng A cũng không phải căn cứ để kết luận việc ông B đăng ký quyền sử dụng đất là đúng hay sai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B đã được UBND thành phố H cấp năm 2000 là đúng trình tự luật định. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của các đồng nguyên đơn và người làm chứng, xác định thửa đất 66 là di sản của Cụ Th và cụ C để cho các anh em của ông B khi ông B đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ là không có căn cứ. Mặt khác, bản án sơ thẩm còn tuyên chưa chính xác về số liệu tổng diện tích đất được phân chia. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông B , hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình nêu quan điểm:***

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định từ tại Điều 285 đến 292 BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: thửa đất 66 là di sản của cụ Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị C để lại sau khi chết. Tòa án nhân dân thành phố Bình, tỉnh Hòa Bình đã xác định di sản thừa kế, người được hưởng thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc chia thừa kế là khách quan, phù hợp với thực trạng về tài sản của bên được nhận và đúng quy định của pháp luật. Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, kiến nghị Hội đồng xét xử rút kinh nghiệm đối với Tòa án

nhân dân thành phố H về việc ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, do không đúng quy định tại Điều 268 BLTTDS.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### [1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Phạm Văn B trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét.

### [2]. Về nội dung:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị C kết hôn năm 1958. Khi kết hôn, vợ chồng cụ sinh sống trên diện tích đất do bố mẹ Cụ Th để lại, sau đó khai phá, mở rộng thửa đất và được cấp GCNQSDĐ thửa số 66, tờ bản đồ số 9, diện tích 2508m<sup>2</sup> (thực tế sử dụng là 2725,7m<sup>2</sup>) tại xóm G, xã Dân Hòa, huyện K (nay là xã M, thành phố H), tỉnh Hòa Bình. Cụ Th chết năm 1996, cụ C chết năm 2008, khi chết hai cụ đều không để lại di chúc.

Cụ Th và cụ C có 09 người con gồm các ông bà: Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị B2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn C.

Năm 1995, Cụ Th viết giấy ủy quyền cho con trai Nguyễn Văn M mượn GCNQSDĐ thửa 66 để thế chấp, vay tiền tại Ngân hàng A chi nhánh K 5.000.000 đồng để trồng mía. Tháng 7/2012, khi chưa thanh toán hết tiền nợ gốc và lãi, ông M nhận được thông báo của Ngân hàng về việc ông Nguyễn Văn B đã trả cho ngân hàng 4.838.000đ và lấy bìa đất ra khỏi Ngân hàng.

Thực tế, thửa đất 66 đã được làm thủ tục sang tên, cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn B từ ngày 25/12/2000. Năm 2012, ông B trả tiền cho Ngân hàng 4.838.000đ để lấy bìa đất ra khỏi Ngân hàng. Ông B khẳng định Cụ Th đã cho ông toàn bộ diện tích đất này và đồng ý để ông B làm thủ tục sang tên.

Nay, bảy người con của Cụ Th và cụ C gồm: ông D, ông M, bà B1, bà B2, bà H1, ông B, bà H2, bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất 66. Ông B không nhất trí và khẳng định đây là tài sản riêng của ông B.

Kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 66 và số liệu bản đồ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 30 -2021 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ngày 28/3/2022 thể hiện: diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn B là 2508,0 m<sup>2</sup>; diện tích hiện trạng sử dụng là: 2725,7 m<sup>2</sup>.

### ***Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:***

Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9, diện tích 2508m<sup>2</sup> (thực tế sử dụng là 2725,7m<sup>2</sup>) tại xóm G, xã Dân Hòa, huyện K (nay là xã M, thành phố H), tỉnh Hòa Bình là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Ch, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03500 ngày 14/8/1994, đứng tên cụ Nguyễn Văn Th. Cụ Th chết năm 1996, cụ C chết năm 2008 không để lại di chúc. Các đồng nguyên đơn khai: khi cụ C khi còn sống đã



gọi trưởng xóm đến chứng kiến và có lập biên bản việc chia đất làm 05 phần cho các con. Tuy nhiên, không có ai cung cấp được biên bản này nên Tòa án không có cơ sở để xem xét.

Qua các bản tự khai và lời khai tại Tòa, ông B khẳng định: khoảng năm 1994, cụ Th cùng với ông B ra Ủy ban nhân dân xã D, gặp cán bộ địa chính là bà Nguyễn Thị L và nói là sẽ giao quyền sử dụng đất cho ông B, việc này ông Nguyễn Văn D cũng biết. Tuy nhiên, bà L xác nhận chưa bao giờ nghe thấy cụ Th hoặc gia đình cụ Th đề cập đến việc cho hoặc chuyển nhượng thừa kế cho ông B và cũng không có cho ai khác. Mặt khác, ông Dền cho biết: trong một lần Cụ Th và ông B đến nhà ông D ăn cơm uống rượu có nói việc đang làm giấy tờ đất chứ không nói rõ là làm cái gì, làm cho ai hay tặng cho ai. Ông B cũng không cung cấp được bất kỳ giấy tờ nào thể hiện việc cụ Th cụ Chứng đã cho ông thừa đất đang tranh chấp. Vì vậy, lời khai của ông B về việc Cụ Th nói giao quyền sử dụng đất cho ông B là không có căn cứ.

Ngày 25/12/2000, ông Nguyễn Văn B được UBND huyện K – nay là UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00115 đối với thửa đất số 66 tại xóm G, xã D trên cơ sở cấp đổi từ tên cụ Nguyễn Văn Th sang tên cho ông Nguyễn Văn B. Tại hồ sơ địa chính thửa 66 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H cung cấp thể hiện: Đơn xin đăng ký cấp đổi quyền sử dụng đất do ông B viết năm 2000 ghi rõ thửa đất xin đăng ký cấp đổi có diện tích 400 m<sup>2</sup> thổ cư, 2108 m<sup>2</sup> đất vườn, thời hạn sử dụng lâu dài, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03500 ngày 14/8/1994 (mang tên cụ Nguyễn Văn Th). Ngoài ra, trong hồ sơ không có tài liệu, văn bản gì thể hiện việc cụ Nguyễn Văn Th đồng ý, nhất trí, hoặc ký kết văn bản cho ông B sang tên diện tích đất nói trên. Bản thân bà Nguyễn Thị L – cán bộ địa chính xã D tại thời điểm này cũng thừa nhận do thửa đất không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSDĐ không để ý đến bìa đất mang tên cụ Th đang thế chấp tại Ngân hàng. Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cụ Th đã được Cụ Th ủy quyền cho con trai là Nguyễn Văn M giao cho Ngân hàng A chi nhánh K khi làm thủ tục vay 5.000.000 đồng từ năm 1995. Bản thân ông B và Ngân hàng đều thừa nhận: do khoản vay của ông M quá hạn, nên đến ngày 06/4/2012, ông B đã tới ngân hàng trả nợ thay cho ông M, sau đó mới rút được GCNQSDĐ về. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc cụ Nguyễn Văn Th và cụ bà Nguyễn Thị C đồng ý cho chuyển đổi quyền sử dụng đất

Do đó, có căn cứ khẳng định: tại thời điểm ông B tiến hành kê khai, làm hồ sơ sang tên GCNQSDĐ Cụ Th sang tên ông B vào năm 1996, thì GCNQSDĐ của Cụ Th vẫn đang được lưu giữ tại Ngân hàng Agribank. Năm 2000, ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Nhưng do GCNQSDĐ cũ mang tên Cụ Th vẫn ở Ngân hàng, nên phải đến năm 2012, sau khi ông B thanh toán khoản nợ của ông Nguyễn Văn M và được Ngân hàng trả lại GCNQSDĐ tên cụ Thâm, thì ông B mới lấy được GCNQSDĐ mới về.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận việc ông Nguyễn Văn B tự đứng ra kê

khai đăng ký chuyển đổi quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66 tờ bản đồ số 9 tại xóm G không có sự đồng ý của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị Ch. Thửa đất 66 là di sản do Cụ Th và cụ C để lại, không phải tài sản riêng của ông B. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ 09, tại xóm G, xã M, thành phố Hoà Bình là không đúng quy định của pháp luật, cần kiến nghị cơ quan chức năng thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B đối với thửa đất số 66 như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp.

Ông B cho rằng khi còn sống, Cụ Th cũng đã chia cho ông M, bà B1, bà B2 một số ruộng nương, ông B cũng được 02 mảnh ruộng (không có giấy tờ, không rõ diện tích). Tuy nhiên, từ khi cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Việc Cụ Th và cụ C khi còn sống chia đất không có giấy tờ, những người con không được chia đất cũng không có ý kiến gì. Xét đây là quyền định đoạt về tài sản của hai cụ khi còn sống, không thuộc phạm vi xem xét trong vụ án này. Các đồng nguyên đơn đều xác định Cụ Th và cụ C sau khi chết không để lại tài sản gì khác ngoài thửa đất số 66. Tính từ thời điểm cụ Th, cụ C chết đến nay vẫn đang còn thời hiệu chia thừa kế theo điều 623 Bộ luật dân sự. Do vậy, việc cấp sơ thẩm tiến hành chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 66 là có căn cứ.

Tại Bản cam kết ngày 28/4/2022 và tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn thống nhất căn cứ Bản đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 30 – 2021 của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 28/3/2022, đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tách thửa theo hướng bảo toàn tài sản của các gia đình hiện có trên thửa đất. Chấp nhận diện tích của từng người là: ông Nguyễn Văn B được hưởng 278,6m<sup>2</sup>, cộng thêm suất của ông D 278,6m<sup>2</sup>, tổng là 557,2m<sup>2</sup>, thực tế chia cho ông B 582,1 m<sup>2</sup> theo hiện trạng thửa đất gia đình ông B đang sử dụng; ông Nguyễn Văn M 278,6m<sup>2</sup>, hưởng thêm suất của bà Nguyễn Thị B1 278,6m<sup>2</sup>, hưởng thêm suất của bà Nguyễn Thị Hiền 278,6m<sup>2</sup>, tổng sẽ là 835,8m<sup>2</sup> nhưng thực tế được chia 595,4m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là thửa 600 và 216,5m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa 606; ông Nguyễn Văn C được hưởng 278,6m<sup>2</sup>, được hưởng thêm suất của bà Nguyễn Thị B2 278,6m<sup>2</sup>, tổng sẽ là 557,2m<sup>2</sup> nhưng thực tế ông Nguyễn Văn C được hưởng là 478,8m<sup>2</sup>; bà Nguyễn Thị H2 được chia 260,4m<sup>2</sup>, bà Nguyễn Thị T được chia 374,5m<sup>2</sup>. Các đồng nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản đang có trên đất để đảm bảo cho các gia đình hiện nay đã xây dựng nhà ở trên đất tiếp tục được sử dụng nguyên vẹn, không phải tháo dỡ nhà cửa, cây cối; đề nghị xem xét đến công sức đóng góp của ông Nguyễn Văn M khi phân chia di sản. Đề nghị của các đồng nguyên đơn là không trái pháp luật, phù hợp với thực trạng sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Văn B không cung cấp được chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu, chứng cứ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm. Kháng cáo của ông B là không có căn cứ, không được chấp nhận. Cần bác toàn bộ kháng cáo của ông B và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án Dân sự theo đúng quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của ông Nguyễn Văn B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 điều 308, điều 148 Bộ Luật tố tụng dân sự, xử:

Bác kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

- Căn cứ điều 26, điều 35, điều 39, điều 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điều 631, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005 tương ứng các điều 609, 611, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 98, 99, 100, 106 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ điểm a khoản 7 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**-Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và các đồng nguyên đơn về việc kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

**1-** Xác nhận thừa đất số 66, tờ bản đồ 09 tại xóm G xã D, huyện K nay là xã M Thành phố H, tỉnh Hòa Bình do ông Nguyễn Văn B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị C để lại được chia cho ông Nguyễn Văn M (ông M được hưởng thêm suất của bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị H1), ông Nguyễn Văn B (ông B được hưởng thêm suất của ông Nguyễn Văn D), bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn C (ông C được hưởng thêm suất của bà Nguyễn Thị B2). Theo văn bản đo đạc chính lý bản đồ địa chính số: 06- 2022. Hệ tọa độ VN2000, xóm G, tờ bản đồ số 9 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình phát hành ngày 14/7/2022:

- Giao cho ông Nguyễn Văn B sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 582,1m<sup>2</sup> đất tại bản đồ là Thừa 605 (có 80 m<sup>2</sup> đất ONT + 502,1 m<sup>2</sup> đất CLN) và giữ nguyên trạng căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây cối, công trình phụ trên thửa đất được chia.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H2 sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 260,4 m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thừa 604 (có 80m<sup>2</sup> đất ONT + 180,4m<sup>2</sup> đất CLN) và giữ nguyên trạng căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây cối, công trình phụ trên thửa đất được chia.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 374,5m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thừa 603 (có 80m<sup>2</sup> đất ONT + 294,5m<sup>2</sup> đất CLN) và giữ nguyên trạng căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây cối, công trình phụ trên thửa đất được chia.

- Giao cho ông Nguyễn Văn C sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 478,8m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thừa 601 (có 80m<sup>2</sup> đất ONT + 398,8m<sup>2</sup> đất CLN).

- Giao cho ông Nguyễn Văn M sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 595,4m<sup>2</sup> đất theo bản đồ trích đo là Thừa 600( có 80m<sup>2</sup> đất ONT + 515,4m<sup>2</sup> đất CLN) và 216,5m<sup>2</sup> đất vườn tại Thừa 606.

- Để lại diện tích 38,2m<sup>2</sup> tại thừa 601; diện tích 34,9m<sup>2</sup> tại thừa 603 làm lối đi chung tại vị trí theo bản đồ đo đạc số 6-2022.

2- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam( Agribank) – chi nhánh K Hòa Bình và ông Nguyễn Văn B phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn Th.

3 - Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố H , tỉnh Hòa Bình thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2000 do Ủy ban nhân dân huyện K nay là Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho ông Nguyễn Văn B , vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00115 ...QSĐĐ/KS

4 - Ông Nguyễn Văn M , ông Nguyễn Văn B , bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn C được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được chia thừa kế.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự

5 - Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện ông Nguyễn Văn M đã nộp chi phí tố tụng vụ án số tiền 18.000.000 ( mười tám triệu đồng).

6 - Về án phí:

\*Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ QH 14 quy định về mức án phí, lệ phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn B phải nộp 38.194.500đ (Ba mươi tám triệu một trăm chín mươi tư ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

- Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải nộp 19.530.000đ (Mười chín triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 26.470.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

- Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp 32.728.000 (Ba mươi hai triệu bảy trăm hai tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

-Buộc ông Nguyễn Văn M phải nộp 48.535.000 (Bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Nguyễn Văn M đã nộp 11.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0001516 ngày 29/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H , nay được khấu trừ. Số tiền án phí còn phải nộp là 37.535.000đ( Ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

\*Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001582 ngày 19/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án: 29/12/2022.

*\*Đính kèm Bản án là Bản đồ đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 06 - 2022, hệ tọa độ VN2000, xóm G, tờ bản đồ số 9 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình, phát hành ngày 14/7/2022.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND TP H
- VKSND TP H
- CC. THADS TP H
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**(đã ký)**

**Lý Thị Đoàn**